

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LX
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 01 – 10 – 2018
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Ngôn;
2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2018/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2018/QĐST – HNGĐ ngày 20/8/2018 và thông báo số 23/2018/TB – TA ngày 06/9/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Thanh N, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Số 01, đường C, ấp Đông K, xã Tân Khánh Đ, thành phố SĐ, tỉnh Đ T (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Võ Minh T, sinh năm 1974. Địa chỉ cư trú: , khóm Đông T, phường Đ, thành phố LX, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/02/2018, bản tự khai ngày 26/02/2018, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Võ Thị Thanh N trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Được sự mai mối của người thân, bà và ông Võ Minh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ ngày 15/6/2009. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai vợ chồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống với cha mẹ ruột của bà ở ấp Đông K, xã Tân Khánh Đ, thành phố S Đ, tỉnh Đ T. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được vài tháng đầu thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không quan tâm đến kinh tế gia đình, không có trách nhiệm làm chồng, làm cha, tự ý bỏ nhà đi thường xuyên, mỗi lần đi với thời gian dài. Vì con, bà nhiều lần góp ý để hàn gắn gia đình nhưng không thành. Đến đầu năm 2011, ông T bỏ đi và vợ chồng bà cũng ly thân từ đó. Từ khi ly thân đến nay, ông T chỉ đến thăm con được 01 lần. Do hôn nhân không còn mang lại hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có 01(Một) con chung tên Võ Minh Th sinh ngày 06/01/2011. Từ khi cháu Th ra đời đến nay, bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông T không có tài sản chung cũng như nợ chung do đó bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N vì thực tế hôn nhân giữa bà và ông T đã không còn tồn tại. Về con chung, do bà N là người trực tiếp chăm sóc con chung trong thời gian qua. Do đó, để con chung có cuộc sống ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn và buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Do ông T không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa bà Võ Thị Thanh N và ông Võ Minh T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

[2] Xét thấy, ông Võ Minh T hiện nay vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại , khóm Đông T, phường Đ, thành phố LX, tỉnh An Giang. Những người thân là di ruột của ông T, cùng nơi cư trú là người trực tiếp nhận các văn bản tố tụng, cam kết giao lại ngay cho ông T. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông T vắng mặt lần thứ hai không lý do. Bà Võ Thị Thanh N không yêu cầu hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Võ Minh T.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thanh N và ông Võ Minh T được Ủy ban nhân dân phường Đ cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 49/ĐX, ngày 15/6/2009, quyền số 01/2009 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Theo bà N trình bày do ông T không có trách nhiệm với vợ con. Trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng bà không có tiếng nói chung, không trao đổi, chia sẻ, cảm thông lẫn nhau nên không có hạnh phúc. Bà và ông T chung sống được 02 năm thì tự ly thân đến nay. Ông T về địa chỉ số 558C, khóm Đông Thành, phường Đ, thành phố LX, tỉnh An Giang sinh sống. Nay, do tình cảm dành cho chồng không còn nên bà N yêu cầu được ly hôn.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù được sự đồng ý của Hội đồng xét xử, cũng như sự phân tích, đồng ý của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhưng bà N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Từ đó, có thể nhận thấy tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà N và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Thanh N được ly hôn ông Võ Minh T.

[6] Về con chung: Bà N trình bày, bà và ông T có 01 (Một) con chung tên Võ Minh Th sinh ngày 06/01/2011. Lời khai của bà phù hợp với bản sao giấy khai sinh số 08/2011 ngày 13/01/2011 do Ủy ban nhân xã Tân Khánh Đông, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp cấp. Xét thấy, thời gian qua bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để ổn định đời sống tinh thần, tâm lý cho cháu Th, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà N.

[7] Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến của ông T về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] **Về án phí:** Bà N phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

Ông T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 111 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thanh N được ly hôn với ông Võ Minh T.

- **Về con chung:** Bà N và ông T có 01 (Một) con chung tên Võ Minh Th sinh ngày 06/01/2011. Bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 695.000 đồng (Sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện từ khi án có hiệu lực cho đến khi con chung trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Mức cấp dưỡng sẽ được thay đổi theo từng thời điểm pháp luật quy định.

Bà N cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không xem xét.

Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà N đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005009 ngày 26/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- UBND p. Đ;
- Lưu: hồ sơ, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Phạm Xuân Khanh

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu: hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phạm Xuân Khanh

Trần Phạm Xuân Khanh

